

Số: 388/2024/QĐST-HNGĐ

Cần Giuộc, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 544/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1978, cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1974, cư trú: D12/7D, ấp D, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải ngày 09 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N xác định không có con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N xác định không có

Về lệ phí: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N xác định không có, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm. Tạm ứng, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị N, mỗi người đã nộp tạm ứng 150.000 đồng theo các biên lai thu số 0013439, 0013438 ngày 09/10/2024 chuyển sang lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Thiệu Văn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (GCNĐKKH số 05 ngày 27/01/2023);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].